

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM TRỰC  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-01-2022.  
V/v: “Ly hôn giữa chị Q và anh B”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Mạnh Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Xuân Chinh.

Ông Nguyễn Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Q; Sinh năm: 1994(*Có mặt*)

Nơi ĐKNKTT: Xóm M, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

***Bị đơn:*** Anh Bùi Văn B; Sinh năm: 1984(*Có mặt*)

Địa chỉ: Xóm M, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2021 được bổ sung tại bản tự khai ngày 13/12/2021 cũng như toàn bộ quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Bùi Văn B tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 25/9/2014. Quá trình chung sống từ đầu năm 2020 đến nay, chị và anh B mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do chị làm công nhân, những lúc tăng ca, chị đi làm về muộn thì anh B tỏ ra khó chịu, không quan

tâm, chị nói chuyện hay quan tâm anh B thì anh B cũng lạnh nhạt. Mặt khác, anh B là người có tính quyết đoán tất cả mọi việc không cần bàn bạc gì với chị kể cả đó là việc chung của vợ chồng. Vợ chồng mặc dù thỉnh thoảng mới nói nặng với nhau nhưng do tình cảm lạnh nhạt nên từ cuối tháng 7 năm 2020 cho đến nay, chị và anh B ly thân. Trong thời gian ly thân vợ chồng chị không liên lạc với nhau, không tìm cách để đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Thị Minh T sinh ngày 27/7/2015 và Bùi Anh T1 sinh ngày 15/5/2018. Hiện nay cả 2 con chung đang ở với anh B. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở và ly thân anh B, chị không đón con đi cùng được vì con không theo. Trong thời gian ly thân, chị thường xuyên đến trường của các con để thăm các con, gửi quà là đồ ăn, quần áo cho bà họ của các cháu là bà Nguyễn Thị N ở gần nhà anh B đưa cho các cháu nhưng gia đình anh B không cho nhận và cũng không cho các cháu mặc quần áo mà chị mua cho các cháu. Vì vậy, khi ly hôn chị muốn được nuôi con là Bùi Anh T, anh B nuôi con là Bùi Thị Minh T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện nay chị đang làm công nhân may tại công ty Yamany tại xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Thu nhập trung bình của chị là 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2021 và toàn bộ quá trình tố tụng, bị đơn anh Bùi Văn Bắc trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Q kết hôn vào ngày 25/9/2014, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Quá trình chung sống, anh nhận thấy tình cảm giữa anh và chị Q hoàn toàn bình thường, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Cuối tháng 7 năm 2020, chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh cũng không biết lý do tại sao. Từ khi chị Q bỏ đi đến nay, anh có 2 lần tìm chị Q về đoàn tụ nhưng không thành. Đến nay chị Q xin ly hôn anh không muốn ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, mặt khác nếu chị Q không nhất trí để cho anh được tiếp tục nuôi cả 2 con chung thì anh không đồng ý ly hôn chị Q.

Về con chung: Anh và chị Qn có 2 con chung và các con đang ở với anh đúng như chị Q đã trình bày. Khi vợ chồng ly thân, anh không cấm cản chị Q thăm nom con, cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Q không về nhà anh thăm con, không trực tiếp đưa đồ cho các con về nhà anh mà thông qua bà N nên có bảo bà N là không được nhận đồ chị Q gửi cho con nữa để chị Q trực tiếp về đưa cho các con hoặc gia đình. Nếu anh và chị Q ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Anh có nhà và chỗ ở ổn định có thể lo cho các cháu ăn học, dạy bảo các cháu trưởng thành. Hiện nay anh làm nông nghiệp, chủ yếu trồng hoa màu và chăn nuôi gia súc. Thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh B thay đổi ý kiến, anh nhất trí ly hôn. Về con chung: anh đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị Q và anh B, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Bùi Văn B. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Anh T1 sinh ngày 15/5/2018; Giao cho anh Bùi Văn B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Minh T sinh ngày 27/7/2015. Chị Q, anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Anh Bùi Văn B có nghĩa vụ giao con chung Bùi Anh T1 cho chị Q nuôi dưỡng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn; anh B phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q, anh Bùi Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc kết hôn: Chị Nguyễn Thị Q và anh Bùi Văn B kết hôn vào ngày 25 tháng 09 năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 7/2020 chị Q về nhà bố mẹ ở. Từ đó cho đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là anh chị không có sự hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh B nhất trí. Điều đó thể hiện chị Q, anh B không tha thiết đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị Q và anh B nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Bùi Văn B.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Minh T sinh ngày 27/7/2015 và Bùi Anh T1 sinh ngày 15/5/2018. Hiện hai con chung đang ở cùng anh B. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của các con chung nên giao con chung Bùi Anh T1 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Bùi Thị Minh T cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị Q, anh B có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn. Anh B có nghĩa vụ giao con chung Bùi Anh T1 cho chị Q nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Q, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí ly hôn là 150.000 đồng; anh B phải nộp án phí ly hôn là 150.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q, anh Bùi Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Bùi Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Anh T1 sinh ngày 15/5/2018; Giao cho anh Bùi Văn B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Minh T sinh ngày 27/7/2015. Chị Q, anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Anh Bùi Văn B có nghĩa vụ giao con chung Bùi Anh T1 cho chị Q nuôi dưỡng

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004522 ngày 13/12/2021. Hoàn trả cho chị Q số tiền 150.000 đồng.

Anh Bùi Văn B phải nộp 150.000 đồng án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q, anh Bùi Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**Phạm Mạnh Cường**

